

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 11- 8 - 2020

“V/v không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Phúc Ân và ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị D, sinh năm 1974 (*có mặt*).

Địa chỉ: Đội 3, khu dân cư Đ, phường AL, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 (*có mặt*).

Địa chỉ: Khu dân cư TT, phường CM, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai chị Dương Thị D và anh Nguyễn Văn T trình bày:

Chị Dương Thị D và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu và tự nguyện về chung sống với nhau từ đầu năm 1993, khi đó cả hai anh chị đều 19 tuổi. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân là do anh chị thiếu hiểu biết về pháp luật, sau này bận làm ăn và nuôi con nên không đi đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới anh chị về chung sống với nhau tại khu dân cư TT, phường CM, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Theo chị D thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2003. Nguyên nhân là do khi chị D lao động ở nước ngoài, anh T nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Vợ chồng anh chị xảy ra cãi vã, anh T chửi bới chị, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến tháng 3-2007 chị D được nghỉ phép về thăm nhà, vợ chồng anh chị lại xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, anh T đánh đuổi chị đi. Nguyên nhân mâu thuẫn lần này là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, bất đồng về kinh tế. Sau đó chị tiếp tục sang nước ngoài làm ăn, vợ chồng anh chị ít liên lạc với nhau. Đến năm 2010 vợ chồng anh chị mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng về quan điểm, về kinh tế, anh T nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Anh T gọi điện chửi bới chị và đến nhà bố mẹ đẻ của chị chửi bới. Sau đó anh chị không còn liên lạc với nhau, không quan tâm đến nhau, xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Đến tháng 3-2020 chị D hết hạn hợp đồng lao động ở nước ngoài và về nước sống tại nhà bố mẹ đẻ ở khu dân cư Đ, phường AL, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị trầm trọng đã lâu, tình cảm vợ chồng đã hết, không còn khả năng đoàn tụ, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Theo anh T thì vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm. Anh có gọi điện để bảo chị D về nước sinh sống nhưng chị D không về. Vợ chồng anh chị xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, vợ chồng ít liên lạc với nhau. Đến năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng quan điểm, chị D sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Anh chị xảy ra cãi vã và không còn liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau từ đó. Đến tháng 3-2020 anh có được biết chị D về nước và về sống cùng bố mẹ đẻ ở khu dân cư Đ, phường AL, thành phố C. Chị D có gọi điện cho anh đến nhà bố mẹ chị và nói rõ quan điểm muốn ly hôn anh. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, nên chị D xin ly hôn anh, anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 06-3-1994 và Nguyễn Thị Y, sinh ngày 04-12-1998. Hiện các con chung đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường và đã có gia đình riêng. Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị D và anh T đều xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại UBND phường Chí Minh và phòng tư pháp thành phố Chí Linh xác định không có tên chị Dương Thị D và anh Nguyễn Văn T trong sổ đăng ký kết hôn được lưu trữ từ năm 1993 đến nay.

Tại phiên tòa:

Chị Dương Thị D và anh Nguyễn Văn T giữ nguyên quan điểm của mình như nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Dương Thị D và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

- Về con chung, về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Dương Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn đối trừ số tiền chị D đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm. Chị D đã nộp đủ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Dương Thị D khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại khu dân cư Thanh Trung, phường Chí Minh, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị D và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Việc anh chị chung sống với nhau nhiều người biết. Anh chị đều trình bày không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật phù hợp với kết quả xác minh tại ủy ban nhân dân phường Chí Minh, ủy ban nhân dân phường An Lạc và phòng tư pháp thành phố Chí Linh. Nên có căn cứ xác định anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy xác định hôn nhân giữa hai anh chị là không hợp pháp, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian dài hoà thuận, hạnh phúc có con chung sau đó xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay không quan tâm đến nhau. Nay anh chị đều xác định không còn tình cảm với nhau và có yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Hai con chung của anh chị hiện đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường và đã có gia đình riêng, các đương sự đều không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Dương Thị D và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Dương Thị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Dương Thị D và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung, về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Dương Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0006475 ngày 05-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị D và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS TP. Chí Linh;
- UBND phường Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hằng